

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty CP tư vấn khảo sát kiểm định xây dựng Trường Sơn và Biên bản đánh giá ngày 29 tháng 4 năm 2020.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn khảo sát kiểm định xây dựng Trường Sơn

Địa chỉ: 145 Lê Quang Định, phường 14, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0305879498

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật & kiểm định công trình

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 30 đường số 2, khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 711

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 07 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

Công ty cổ phần tư vấn khảo sát kiểm định xây dựng Trường Sơn;

Sở XD Tp. Hồ Chí Minh;

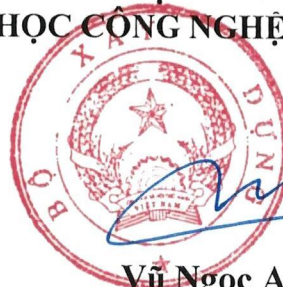
TT thông tin (Website);

Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

**DANH MỤC BỔ SUNG CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 711**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: **127** /GCN-BXD, ngày **05** tháng **5** năm 2022)

| TT | Tên phép thử | Cơ sở pháp lý tiến hành thử |
|----|--|---|
| | Tấm thạch cao | |
| 1 | Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh, xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi, xác định cường độ chịu uốn, xác định độ kháng nhổ đinh, xác định độ biến dạng ẩm, xác định độ hút nước, xác định độ hấp thụ nước bề mặt, xác định độ thấm thấu hơi nước), thử nghiệm hệ thống treo kim loại cho ngói âm và trần panel lắp trong | TCVN 8256: 2009 TCVN 8257--:2009 đến TCVN 8257-8:2009; ASTM C635; EN 520:2004;ASTM C473-17; ASTM C 471M-16a |
| | Thí nghiệm hiện trường | |
| 2 | Thí nghiệm địa chấn trong hố khoan, địa chấn song song, địa chấn phản xạ, địa chấn khúc xạ, | ASTM : D7400 – 08; : ASTM D 4428; ASTM D 4428M – 00; ASTM D7128; ASTM D5777; AFNOR – NF P94-160-3 |
| 3 | Thí nghiệm nén ngang DMT | ASTM D6635 (2007) |
| 4 | Thí nghiệm đo độ dẫn nhiệt trong đất, | EUROCODE 7 Part2 (2007); ASTM D 5334 |
| 5 | Rung động và chấn động cơ học – rung động đối với các công trình xây dựng | TCVN 7191: 2002 |
| 6 | Phương pháp khảo sát georadar | ASTM D 6432 |
| 7 | Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường | TCVN 7878-1:2018 TCVN 7878-2:2018 |
| 8 | Đo sức gió | TCXD 229:1999 |
| | Nhôm Định Hình Trong Xây Dựng | |
| 9 | Xác định kích thước, độ bền kéo, độ cứng vicker, lớp màng oxy hóa, phân tích thành phần hóa học, lực bám đinh vít, hợp kim nhôm dạng profile, thanh profile, thanh nhôm định hình, cửa sổ, cửa đi và phụ kiện cửa (Kích thước, độ bền Charpy, độ bền nhiệt, độ bền góc hàn, giãn dài, thành phần hóa học, va đập, hóa nhiệt, lớp màng oxy hóa...) | AS 1397:2011; TCVN 197:2014; ASTM B557-10; JIS Z 2241:11; ASTM C471M-16a; TCVN 258-1:2007 (ISO 6507-1:2005); ASTM E 92-03; JIS Z 2244:2003; ASTM E 575; ASTM E 1251-07; TCVN 12513-7:2018 ; BS EN12608-1:2006; BS EN 478:2018; BS EN 479:2018 |
| | Lưới địa kỹ thuật , Ô lưới geocell | |
| 10 | Cường độ chịu kéo danh định, cường độ tại mỗi nối so với lưới, Nhiệt độ bắt đầu cháy, Cường độ kháng; bóc mỗi hàn | EN ISO 10319; ASTM D6637; GRI GG2; ASTM D276, ASTM D6392 |
| | Thảm đá - Rọ đá | |
| 11 | Kích thước mắt lưới; Đường kính dây lưới; Khối lượng mạ kẽm dây buộc; Cường độ kéo đứt, Độ giãn dài kéo đứt; Khối lượng lớp kẽm mạ/đơn vị diện tích mạ; Khối lượng riêng; Độ cứng; Khả năng chống mài mòn; Thử nghiệm phun muối (thời gian); Độ xâm thực của lõi thép tính từ mặt cắt đầu dây không vượt quá 25mm khi ngâm mẫu thử trong dung dịch HCl 5% trong 2000h; Lực căng mắt lưới theo hướng song song hoặc vuông góc mắt xoắn kép; | TCVN 10335:2014; ASTM A975; TCVN 2053; BS 1052:1980 ASTM A 641; BS EN 10 244-2:2009; ASTM A 90/A90M; ASTM D792; ASTM D412; ASTM D2240; ASTM D1242; ASTM B117; ASTM A975-97, ASTM D 5519-07; ASTM D4992:07; ASTM D5121:06; ASTM D 4992:07. |



| | | |
|----|--|---|
| | Khả năng chịu lực của liên kết buộc lưới.; Khả năng chịu chọc thủng, cấp phối đá xấp, độ mài mòn của đá, độ bền của đá, độ mài mòn của đá trong điều kiện khô và ướt, loại đá sử dụng trong thảm, đệm rọ đá | |
| | Ống và màng HPDE | |
| 12 | Cường độ ở giới hạn dẻo; Áp lực nén trong ống, Độ biến dạng hình học của ống $\Delta Y=5\%$, Độ bền của ống trong môi trường hóa chất: dung dịch H ₂ SO ₄ 93%, Độ bền của ống trong môi trường hóa chất: dung dịch NaOH bão hòa; Áp lực ngoài của ống hoặc độ cứng vòng; | ASTM 6693; TCVN 11821-1:2017; ASTM D2412; TCVN 9070 : 2012 |
| | Xi hạt lò và tro bay | |
| 13 | Xi hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa; phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng : Tro bay - phương pháp phân tích hóa học; phụ gia hóa học cho bê tông; phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa; phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn; xi hạt lò cao - Phương pháp phân tích hóa học | TCVN 11586:2016; TCVN 10302:2014; TCVN 8262:2009; TCVN 8826:2011; TCVN 8827:2011; TCVN 8825:2011; TCVN 8265:2009; |

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

